Stabilis

Natalizumab

Tên th□□ng mại

Tysabri	Anh, Argentina, Ba Lan, Bỉ, Canada, Chile, Colombia, Ecuador, Hà Lan, Hoa Kỳ, Hungary, Hy Lạp, Iceland, Mexico, Morocco, Na Uy, Peru, Phần Lan, Pháp, Romania, Slovenia, Tây Ban Nha, Thổ Nhĩ Kỳ, Thụy Sỹ, Thụy Điển, Úc, Ý, Đan Mạch, Đ□c

Tính ổn định của các dung dịch

?		2,6 mg/mL	2-8°C	?	8			4068

Khả năng t□□ng thích

		Natalizumab Temocilline		2296
		Natalizumab		4068

Đ□□ng dùng

Tài liệu tham khảo

	Loại	Nguồn
2296	Thông tin của nhà sản xuất	Témocilline (Negaban®) - Résumé des caractéristiques du produit Eumedica 2017
4068	Thông tin của nhà sản xuất	Natalizumab (Tysabri®) - Summary of Product Characteristics 2018 Biogen Idec Ltd

T□ điên

	Thuốc □c chế miễn dịch		Dạng tiêm
	Tên th□□ng mại		Tính ổn định của các dung dịch
	Bao bì		Phân t□
	Nồng độ		Nhiệt độ
	Bảo quản		Th□i gian ổn định
	biosimilar		d□ liệu mâu thuẫn
	Mục lục		Không rõ
	NaCl 0,9%		Không rõ
	Gi□		Khả năng t□□ng thích
	Phân t□		Dung môi
	Không t□□ng thích không xác định		Không t□□ng thích
	T□□ng thích		Đ□□ng dùng
	Truyền tĩnh mạch		Tài liệu tham khảo
	T□ điên		